

Bản án số: 98/2019/DS-PT

Ngày 09 - 4 - 2019

V/v Tranh chấp Quyền sử dụng đất và
hủy giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sáng

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Phượng - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp Quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 226/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã A P, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã A P: Ông Lê Hùng D, chức vụ: Chủ tịch; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ: số 88, đường Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long,

tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2/ Ông Đặng Văn G, sinh năm 1946; vắng mặt.

3/ Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1982; vắng mặt.

4/ Anh Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1985; có mặt.

6/ Ông Cao Hoàng K, sinh năm 1963; vắng mặt.

7/ Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1968; vắng mặt.

8/ Bà Võ Ngọc Mai Th, sinh năm 1970; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Chị Đặng Thị Trúc H, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T Đ, xã Q A, huyện V L, tỉnh Vĩnh Long.

10/ Anh Đặng Văn D, sinh năm 1980; vắng mặt.

11/ Anh Đặng Văn H, sinh năm 1976; vắng mặt.

12/ Anh Đặng Văn T, sinh năm 1982; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp H P, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

13/ Ông Nguyễn Tân T, sinh năm 1973; vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V H, xã L Đ, thành phố T V, tỉnh Trà Vinh.

14/ Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1983; vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A H, xã C A, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

15/ Bà Phạm Thị Lệ U, sinh năm 1977; vắng mặt.

Địa chỉ: ấp V H 1, xã V T, huyện C L, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017 và các tài liệu chứng cứ, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Hồ N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T trước đây là vợ chồng. Phần đất bà H tranh chấp với Ủy ban nhân dân xã A P tọa lạc tại: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc: Theo tư liệu đo đạc thực hiện Chỉ thị 299/TTg, ngày 10/11/1980 là thửa đất số 837, tờ bản đồ số 4, diện tích 450m² loại đất thổ cư, do ông Đặng Văn B kê khai trong sổ mục kê ruộng đất; thửa đất số 838, diện tích 400m², loại đất thổ cư, do nhà Bảo sanh kê khai trong sổ mục kê ruộng đất. Theo tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991 (Chương trình đất

thì phần đất thửa 837 và thửa 838 nhập lại thành thửa số 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.140m², loại đất xây dựng, do Ủy ban nhân dân xã A P đăng ký trong sổ bộ địa chính.

Việc Ủy ban nhân dân xã A P kê khai đăng ký đứng tên trong sổ bộ địa chính thửa đất số 36 là trái luật; Bởi vì, phần đất thửa số 36, diện tích 1.140m², loại đất xây dựng, tọa lạc tại: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long có nguồn gốc của ông Đặng Văn G đưa vào Tập đoàn. Sau khi ông G đưa vào Tập đoàn thì Ủy ban nhân dân xã A P lấy để xây dựng nhà Bảo sanh. Nhưng xây dựng xong nhà Bảo sanh hoạt động một thời gian rồi bỏ hoang. Năm 1989, chồng bà H là ông Nguyễn Văn T (Chết ngày 15/02/2016) là cán bộ Văn phòng huyện ủy M T, phụ trách kinh doanh gạch ngói tại ấp T T, xã A P, lúc này gia đình ông T chưa có nhà để ở, nên ông T xin Ủy ban nhân dân xã A P do ông Trần Huỳnh Đ làm Chủ tịch cấp cho gia đình bà H khu đất nhà Bảo sanh diện tích khoảng 1.000m², gia đình bà H cất nhà sinh sống từ đó cho đến nay.

Khi rã Tập đoàn ông G là chủ đất cũ đến đòi lại đất ngay tại vị trí ông T được Ủy ban nhân dân xã A P cấp, đang cất nhà ở. Nên vợ chồng bà H thỏa thuận miệng nhận chuyển nhượng của ông G diện tích 1.000m² đất ngay tại vị trí bà H hiện nay tranh chấp với Ủy ban nhân dân xã A P với giá 350.000đ có làm giấy tay nhưng giấy tay này ông G và ông T đều làm thất lạc. Sau đó ông G làm lại giấy tay tờ sang nhượng đất không ghi ngày tháng năm 1989 chuyển nhượng cho ông T diện tích 1.000m² đất giá 02 chỉ 05 phân vàng 24K, đến ngày 15/10/1988 ông G làm lại giấy tay “Giấy sang nhượng thành quả lao động đất” ghi chuyển nhượng cho ông T diện tích 1.000m² đất giá 600.000đ. Giấy tay giữa ông G và ông T làm nhiều lần nhưng không ghi đúng số tiền mà bà H ông T trả cho ông G ban đầu. Nên bà H xác định là vợ chồng bà H ông T chỉ nhận chuyển nhượng của ông G 1.000m² đất ngay tại vị trí Ủy ban nhân dân xã A P cấp cho ông T vào năm 1989 với giá là 350.000đ. Do đi làm ăn nên bà H chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Năm 2009 bà H tháo dỡ nhà để xây dựng lại, trong quá trình thi công xây dựng nhà thì Ủy ban nhân dân xã A P đến lập biên bản đình chỉ thi công nên ngày 31/3/2009 bà H có làm cam kết với Ủy ban nhân dân xã A P có nội dung “*Nếu sau này Ủy ban nhân dân xã có sử dụng phần đất này để quy hoạch xây dựng chợ xã A P hoặc sử dụng vào mục đích khác thì bà H sẽ tự nguyện tháo dỡ nhà trả lại mặt bằng cho Ủy ban nhân dân xã A P sử dụng và bà H sẽ không đòi bồi hoàn chi phí di dời nhà đến nơi ở mới, bà H sẽ không đòi bồi thường chi phí đã xây nhà vật kiến trúc*”.

Đến năm 2014, gia đình bà H nghe nói có chương trình đo đạc lại đất nên bà H xin đăng ký, thì phát hiện diện tích đất bà H thỏa thuận trả thành quả lao động cho ông G, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho Ủy ban nhân dân xã A P theo số thửa mới là 156, diện tích 1.140m^2 , loại đất xây dựng, thuộc tờ bản đồ số 0003. Diện tích đất tranh chấp thực tế khi đo đạc là $591,8\text{m}^2$, loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156).

Theo đơn khởi kiện ban đầu bà H yêu cầu công nhận cho bà H quyền sử dụng đất tại thửa 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.140m^2 , loại đất xây dựng, tọa lạc tại: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long, công nhận quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất cho bà H và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ủy ban nhân dân xã A P tại thửa 36. Nhưng khi đo đạc xác định diện tích tranh chấp thực tế là $591,8\text{m}^2$, loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156), nên bà H sửa đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ còn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận quyền sử dụng đất cho bà H tại diện tích tranh chấp thực tế khi đo đạc là $591,8\text{m}^2$, loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156) tại địa chỉ: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận cho bà H quyền sở hữu căn nhà trên đất diện tích $77,5\text{m}^2$ được xây dựng năm 2009 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường xây gạch D100, mái tôn có trần và nhà tạm diện tích $26,6\text{m}^2$, xây dựng vào năm 2000 kết cấu khung cột gỗ tạm, nền đất vách tôn, không trần.

- Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ủy ban nhân dân xã A P tại diện tích tranh chấp thực tế khi đo đạc là $591,8\text{m}^2$, loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156).

Bà H không có tranh chấp diện tích $17,8\text{m}^2$ thuộc tách thửa số 35 và không có tranh chấp diện tích $154,4\text{m}^2$ thuộc tách sông.

Bà H không có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết tờ sang nhượng đất không ghi ngày tháng năm 1989 và không có tranh chấp yêu cầu giải quyết giấy sang nhượng thành quả lao động đất ngày 15/10/1988 giữa ông Nguyễn Văn T (Chồng bà H) với ông Đặng Văn G.

Những người có nhà ở trên đất tranh chấp là ông Nguyễn Tấn T, ông Lê Hoàng P, ông Cao Hoàng K, bà Phạm Thị L Q và bà Võ Ngọc Mai Th, bà H không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những người này.

** Bị đơn Ủy ban nhân dân xã A P có ông Lê Hùng D đại diện trình bày:*

Phần đất bà H tranh chấp với Ủy ban nhân dân xã A P theo tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991 (Chương trình đất) là thửa số 36, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.140m^2 , loại đất xây dựng, do Ủy ban nhân dân xã A P đăng ký trong sổ bộ địa chính là đất công. Đến ngày 16/11/1995 Ủy ban nhân dân xã A P được Ủy ban

nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đổi lại thành thửa số 156, tờ bản đồ số 0003, diện tích 1.140m², loại đất xây dựng, tọa lạc tại: ấp Th Thu (Cũ), nay là ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long. Gia đình bà H cất nhà tạm ở nhờ trên đất công, đến ngày 27/3/2009 bà H cất nhà lại có trụ sắt đổ bê tông nên Ủy ban nhân dân xã tiến hành lập biên bản đình chỉ thi công, ngày 31/3/2009 bà H làm tờ cam kết với Ủy ban nhân dân xã A P xin được sửa chữa nhà, nếu sau này Ủy ban nhân dân xã có sử dụng phần đất này để quy hoạch xây dựng chợ xã A P hoặc sử dụng vào mục đích khác, thì bà H sẽ tự nguyện tháo dỡ nhà trả lại mặt bằng cho Ủy ban nhân dân xã A P sử dụng và bà H sẽ không đòi bồi thường chi phí đã xây nhà vật kiến trúc.

Do đó, Ủy ban nhân dân xã A P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H về công nhận quyền sử dụng đất cho bà H tại diện tích tranh chấp thực tế khi đo đạc là 591,8m², loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156) tại địa chỉ: Ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long và không đồng ý hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ủy ban nhân dân xã A P tại diện tích tranh chấp thực tế khi đo đạc là 591,8m², loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156).

Ủy ban nhân dân xã A P công nhận quyền sở hữu xác căn nhà trên diện tích 77,5m² đất, được xây dựng năm 2009 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền lót gạch men, tường xây gạch D100, mái lợp tôn có trần và xác căn nhà tạm diện tích 26,6m² được xây dựng vào năm 2000 có kết cấu khung cột gỗ tạm, nền đất vách tôn, không trần thuộc quyền sở hữu của bà H.

Ủy ban nhân dân xã A P không có yêu cầu phản tố. Ủy ban nhân dân xã A P cho bà H tiếp tục ở nhờ đến khi nào có kế hoạch sử dụng đất thì sẽ yêu cầu bà Hận di dời nhà trả lại đất cho ủy ban.

Ủy ban nhân dân xã A P không có tranh chấp diện tích 17,8m² thuộc tách thửa số 35 và không có tranh chấp diện tích 154,4m² thuộc tách sông.

Những người có nhà ở trên đất tranh chấp là ông Nguyễn Tấn T, ông Lê Hoàng P, ông Cao Hoàng K bà Phạm Thị L Q và bà Võ Ngọc Mai Th, Ủy ban nhân dân xã A P không có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những người này.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, quyết định:*

Áp dụng;

Điều 37, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2/ Công nhận quyền sở hữu xác 02 căn nhà trên thửa 36 tờ bản đồ số 8 gồm: 01 căn nhà diện tích 77,5m² được xây dựng năm 2009 có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, nền lót gạch men, tường xây gạch D100, mái lợp tôn có trần và 01 căn nhà tạm diện tích 26,6m² được xây dựng vào năm 2000 kết cấu khung cột gỗ tạm, nền đất, vách tôn, không trần theo biên bản khảo sát đo đạc ngày 26/10/2017 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H.

3/ Không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà H tại diện tích tranh chấp thực tế khi đo đạc là 591,8m², loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156) tại địa chỉ: ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long và không chấp nhận yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ủy ban nhân dân xã A P tại diện tích tranh chấp 591,8m², loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156) địa chỉ: ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long của bà Nguyễn Thị H. (Kèm theo bản án có trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long lập đề ngày 05/12/2017).

4/ Dành cho bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Nguyễn Nhựt T một vụ kiện khác đối với ông Đặng Văn G để tranh chấp tờ sang nhượng đất không ghi ngày tháng năm 1989 và giấy sang nhượng thành quả lao động đất ngày 15/10/1988 giữa ông Nguyễn Văn T (Chồng bà H) với ông Đặng Văn G.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá, về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 30/7/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ yêu cầu kháng cáo được sử dụng 591,8m² đất mà nguyên đơn đang sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Đất mà bà Nguyễn Thị H đang sử dụng đã có quyết định giao đất cho UBND xã A P quản lý, năm 2009 bà H cất nhà, bà có làm cam đoan khi nào Nhà nước thu hồi sẽ tháo dỡ nhà trả lại đất, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H là có căn cứ, đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà Nguyễn Thị H tranh chấp diện tích đất 591,8m², loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156) tại ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất này, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho UBND xã A P. Bà H cung cấp giấy tay sang nhượng đất ghi ngày 15/10/1988 từ ông Đặng Văn G. Ngoài tờ sang nhượng này, ông G bà H không cung cấp được các giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003 (Điều 50), Luật Đất đai năm 2013 (Điều 100). Hiện trạng thửa đất 591,8m² có 7 hộ gia đình đang cất nhà sinh sống trên thửa đất này. Những người có liên quan này không có ai tranh chấp đất với UBND xã A P, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/11/1995. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với UBND xã A P là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sở hữu vật liệu nhà trên đất tranh chấp diện tích 77,5m² được xây dựng từ năm 2009 và vật liệu căn nhà tạm diện tích 26,6m² được xây dựng vào năm 2000. Theo Giấy cam kết của bà Nguyễn Thị H ngày 31/3/2009, xin sửa nhà, khi nào UBND xã A P có nhu cầu lấy lại đất sử dụng vào mục đích khác thì tự nguyện tháo dỡ nhà trả lại đất cho UBND xã A P. Phần vật liệu hai căn nhà trên thuộc thửa đất đang tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận quyền sở hữu xác nhà (vật liệu) của hai căn nhà nêu trên là ngoài yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn cũng không tranh chấp vật liệu nhà của bà H. Hiện nay, bà H đang sử dụng nhà cất trên đất tranh chấp theo giấy cam kết cho đến khi cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai quyết định thì quyền sở hữu vật liệu hai căn nhà được xem xét, giải quyết theo pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại phần công nhận xác hai căn nhà không cần phải tuyên xử tại phần quyết định bản án.

Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H;

Áp dụng khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai 1993; Điều 50 Luật Đất đai 2003; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích thửa đất 591,8m², loại đất TSC thuộc tách thửa 36 mới (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 156) tọa lạc tại ấp T T, xã A P, huyện M T, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền quản lý, sử dụng đất của UBND xã A P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 636617 ngày 16/11/1995 của UBND tỉnh Vĩnh Long.

Phần chi phí, lệ phí và các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Hoàn lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H theo Biên lai thu số 0001033 ngày 31/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, 27bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Sáng

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Hùng Đặng Quốc Khởi Huỳnh Sáng